CHUYÊN MỤC

KINH TẾ HỌC - XÃ HỘI HỌC

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

PHAN DIÊN VỸ*

Cùng với xu thế hội nhập quốc tế chung của nền kinh tế, hệ thống ngân hàng Việt Nam đang đứng trước "làn sóng" hội nhập với những cam kết mở cửa theo hướng ngày càng nới lỏng các quy định, mở ra nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra không ít khó khăn, thách thức cho sự phát triển bền vững của hệ thống. Bài viết phân tích về các cơ hội cùng những khó khăn, thách thức từ tiến trình hội nhập ngày càng sâu rộng của nền kinh tế đặt ra cho ngành ngân hàng; trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp phát triển bền vững hệ thống ngân hàng Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: phát triển bền vững, ngân hàng Việt Nam

Nhận bài ngày: 4/7/2019; đưa vào biên tập: 7/7/2019; phản biện: 19/7/2019; duyệt đăng: 12/8/2019

1. QUAN ĐIỂM VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Theo Rio - 92(1) và WSSD, 2002(2): "Phát triển bền vững" là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ hợp lý và hài hòa giữa ba mặt của sự phát triển: phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Hay theo Liên Hợp Quốc, sự phát triển nhằm thỏa mãn những nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng thỏa mãn nhu cầu của thế hệ mai sau. Đây cũng là một quan điểm mang tính tổng hợp, bao gồm nhiều yếu tố cấu thành khác nhau như kinh tế, chính trị, xã hội, kỹ thuật, văn hóa… là quan điểm chung nhất, được thừa nhận rộng rãi nhất trên thế giới ngày nay.

Các nhà kinh tế và các tổ chức tài chính quốc tế đã dựa trên quan điểm phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc để xây dựng lý thuyết về phát triển bền vững của ngân hàng thương mại.

Theo Carl-Jonhan Lindgren, các ngân hàng thương mại được coi là tình

* Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

trạng tài chính “lành mạnh” hay “phát triển bền vững” thường được dùng để chỉ khả năng tài chính và hoạt động đạt tới hiệu quả nhất định để có thể tồn tại, chịu đựng và chống đỡ các tác động bất lợi của môi trường bên ngoài. Như vậy, một ngân hàng lành mạnh hay bền vững là một ngân hàng thương mại có thể đảm bảo được khả năng thanh toán những khoản nợ tại mọi thời điểm xác định và không gây ra những tác động tiêu cực cho nền kinh tế và cộng đồng dù có những tác động từ các diễn biến bất lợi của kinh tế - xã hội.

Theo Ủy ban Giám sát Ngân hàng Basel, ngân hàng phát triển bền vững là ngân hàng duy trì một lượng vốn đủ lớn để trang trải cho các hoạt động chịu rủi ro của mình, bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro tác nghiệp, các ngân hàng cần phải đánh giá một cách đúng đắn về những loại rủi ro mà họ đang phải đối mặt và đảm bảo rằng những giám sát viên sẽ có thể đánh giá được tính đầy đủ của những biện pháp đánh giá này. Các ngân hàng cần phải công khai thông tin một cách thích đáng theo nguyên tắc thị trường. Những thông tin mà các ngân hàng phải công khai là: cơ cấu vốn, mức độ đầy đủ vốn đến những thông tin liên quan đến mức độ nhạy cảm của ngân hàng với rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro tác nghiệp và quy trình đánh giá của ngân hàng đối với từng loại rủi ro này.

Theo Pau R. Niven trong tác phẩm *The Balance Scorecard* thì phát triển bền vững là sự phát triển và cân bằng của bốn nhóm yếu tố cấu thành một doanh nghiệp hay bất cứ một tổ chức nào là: khách hàng, các quy trình nội bộ, đào tạo và phát triển nhân viên và khía cạnh tài chính.

Khách hàng của ngân hàng thương mại: chính là nguồn tạo ra lợi nhuận cho ngân hàng nên cần duy trì được mối quan hệ với khách hàng cũ và thu hút thêm khách hàng mới để ổn định và phát triển. Sự thỏa mãn của khách hàng đối với ngân hàng được đo lường mức độ hài lòng của khách hàng thông qua các biến: sản phẩm dịch vụ thích ứng với thị trường, những giá trị gia tăng cho khách hàng, số lượng khách hàng và mức tăng trưởng của khách hàng đến với ngân hàng, nâng cao sự thỏa mãn của khách hàng, chuẩn hóa thương hiệu…, tạo dựng lòng trung thành và thu hút khách hàng.

Quy trình hoạt động nội bộ: bao gồm hoạch định chiến lược kinh doanh tín dụng, quản trị và điều hành kinh doanh, phòng ngừa rủi ro, quản lý tài sản và chiến lược marketing… thông qua đó các quy trình chính sách cần được cải tiến và phát triển nhằm cắt giảm chi phí, kiểm soát rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động cho ngân hàng.

Bên cạnh đó, tối ưu các quy trình tiếp xúc với khách hàng, nâng cao giao tiếp cả trong lẫn ngoài; quy trình quản lý khách hàng: hiểu khách hàng của mình, xây dựng những mối quan hệ lâu bền; sự đổi mới: nghiên cứu và

đánh giá các xu hướng, tạo ra các sản phẩm và dịch vụ mới, giám sát, đánh giá sự tuân thủ các luật và quy định, đảm bảo luôn có sự kiểm soát nội bộ hiệu quả; để giúp các tổ chức nhận diện các nhiệm vụ mà họ phải thực hiện tốt nhằm gia tăng giá trị cho khách hàng và các cổ đông của tổ chức.

Quá trình đào tạo và phát triển nhân sự: nguồn lực về con người của ngân hàng được đo lường qua các biến: số lượng và chất lượng nguồn nhân lực (trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, kỹ năng công nghệ AT, trình độ ngoại ngữ, mức độ hội nhập của công nghệ thông tin vào các quá trình, các hoạt động của ngân hàng. Năng lực quản lý của nhà lãnh đạo, văn hóa kinh doanh trong ngân hàng được cải tiến, nguồn nhân lực của mỗi tổ chức luôn là yếu tố quan trọng giúp tổ chức thực hiện tốt các quy trình nội bộ và làm thỏa mãn khách hàng trong một môi trường làm việc tích cực lành mạnh.

Năng lực tài chính: các chỉ tiêu phản ánh năng lực tài chính của một ngân hàng thương mại bao gồm: vốn tự có của ngân hàng (tỷ lệ giữa vốn tự có và tổng tài sản có CAR) chất lượng tài sản có: nợ xấu/tổng dư nợ, dự phòng rủi ro/nợ xấu, nợ quá hạn/tổng dư nợ, khả năng đảm bảo thanh toán và an toàn hệ thống: tỷ lệ tài sản có có thể thanh toán ngay/tài sản nợ phải thanh toán ngay, tốc độ tăng trưởng của tiền gửi/tốc độ tăng trưởng của hoạt động cho vay và cho thuê, khả năng sinh lời của vốn tự có ROE, khả năng sinh lời của tài sản ROA…

Vì vậy, cần tối thiểu hóa chi phí, nâng cao hiệu suất sử dụng tài sản, tăng doanh thu để gia tăng giá trị cho cổ đông. Lợi nhuận đảm bảo là cơ sở để ổn định và phát triển bền vững.

Bảng 1: Tiêu chuẩn đánh giá sự phát triển bền vững của ngân hàng thương mại

Tiêu chí	Chỉ số	Tiêu chuẩn hoạt động
Mức độ tiếp cận	1. Số lượng sản phẩm dịch vụ cung ứng	Không có tiêu chuẩn
	2. Số lượng và mức tăng trưởng của khách hàng	
	3. Số lượng và mức tăng trưởng của dư nợ tín dụng	
	4. Số lượng và mức độ tăng trưởng của số dư tiết kiệm	
	5. Mức cho vay trung bình/GDP	> 150% thị phần thu nhập cao; từ 20% đến 150% thị phần bậc trung; <20% thị phần khách hàng nghèo
	6. Tỷ lệ nợ quá hạn/tổng dư nợ	Tối đa 5%
	7. Tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ	Tối đa 3%
Tính bền vững	8. Tự bền vững về hoạt động OSS	Tối thiểu 120%
	9. Tự bền vững về tài chính FSS	Tối thiểu 100%
	10. ROA	Tối thiểu 2%

Nguồn: IFAD, 2011.

Theo SAS (Statistical Analysis System - hệ thống phân tích thống kê), tính đến năm 2012, ngân hàng bền vững là một triết lý nền tảng của ngân hàng. Đây là một hệ thống giá trị cho rằng các hoạt động của ngân hàng thương mại không chỉ mang lại lợi nhuận cho nhân viên và các cổ đông của ngân hàng mà còn mang lại lợi nhuận cho khách hàng. Rộng hơn nữa, hoạt động của ngân hàng còn phải mang lại lợi ích cho nền kinh tế trong khi đồng thời phải ngăn chặn hoặc ít nhất là phải giảm thiểu bất kỳ tác động quá mức đến xã hội và môi trường.

Một ngân hàng thương mại được xem là phát triển bền vững khi ngân hàng đó có sự phát triển, ổn định theo thời gian và đáp ứng được các yêu cầu của hệ thống các chỉ tiêu như:

(1) Các chỉ tiêu phản ánh quy mô, tỷ lệ, cơ cấu tốc độ tăng trưởng của nguồn vốn, tài sản và thị phần của ngân hàng ổn định qua từng thời kỳ.

(2) Các chỉ tiêu phản ánh khả năng tiếp cận của ngân hàng đối với các đối tượng khách hàng ở các thị trường khác nhau cả bề rộng và bề sâu, cả chất lượng và sự đa dạng về chủng loại sản phẩm, dịch vụ ngân hàng cung cấp cho khách hàng.

(3) Các chỉ tiêu phản ánh tính an toàn, bền vững của ngân hàng theo thông lệ quốc tế.

(4) Các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời của ngân hàng có tính ổn định qua các năm.

Theo Quỹ Phát triển Nông nghiệp Quốc tế (IFAD) thì các tiêu chuẩn đánh giá mức độ phát triển bền vững của một tổ chức tài chính được tổng kết như trong Bảng 1.

2. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

2.1. Vốn chủ sở hữu, quy mô tài sản của ngân hàng thương mại

Trong thời gian qua, các ngân hàng thương mại Việt Nam đã có sự gia tăng đáng kể về quy mô tài sản, quy mô vốn chủ sở hữu nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh trước bối cảnh hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, nếu so sánh về quy mô tài sản của các ngân hàng thương mại Việt Nam với các ngân hàng thương mại ở một số quốc gia trong khu vực và trên thế giới thì vốn chủ sở hữu của các ngân hàng thương mại Việt Nam chưa vượt trội để đảm bảo năng lực tài chính, năng

Bảng 2. Tỷ lệ vốn/tổng tài sản của hệ thống ngân hàng của một số nước trong ASEAN

Đơn vị tính: %

Quốc gia	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Brunei	9,10	11,58	11,26	11,32	11,46	12,02
Indonesia	12,24	12,47	12,76	13,3	13,46	14,82
Malaysia	9,39	9,59	9,95	10,11	10,85	11,24
Philippines	11,70	9,70	9,95	10,24	11,21	12,34
Singapore	8,92	8,22	8,41	8,56	9,23	9,86
Thái Lan	7,80	8,52	9,54	10,34	10,78	11,35
Việt Nam	9,93	9,95	9,97	10,45	11,31	11,58

Nguồn: Worldbank Data.

lực cạnh tranh và duy trì khả năng thanh khoản tốt nhất (Bảng 2).

Hơn thế, nguồn vốn cung ứng cho nền kinh tế hầu như vẫn do hệ thống ngân hàng đảm nhận. Chính những đặc điểm này đã và đang tạo ra cho hệ thống Ngân hàng Việt Nam nhiều rủi ro tiềm ẩn, đồng thời là những thách thức cho sự phát triển bền vững của hệ thống ngân hàng Việt Nam.

2.2. Hệ số ROA, ROE của ngân hàng thương mại: khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại giảm và có dấu hiệu không bền vững

Theo Ủy ban Giám sát Tài chính, trong năm 2018, lợi nhuận sau thuế của các tổ chức tín dụng ước tăng khoảng 40% so với năm 2017. Cùng với đó, các chỉ tiêu sinh lời tiếp tục được cải thiện, ROA ước đạt 0,9% cao hơn mức 0,73% trong năm 2017; ROE ước đạt 13,6% cũng cao hơn mức 11,22% của năm 2017. Nguồn thu từ tín dụng vẫn chiếm một tỷ lệ lớn trong lợi nhuận hàng năm của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam. Điều này phản ánh một thực tế là thị trường tài chính ở Việt Nam vẫn còn ở trình độ thấp, thị trường chứng khoán, bảo hiểm, trái phiếu (trong đó đặc biệt là trái phiếu doanh nghiệp) chưa phát triển mạnh.

Năm 2018, Ngân hàng Nhà nước đề ra mục tiêu tăng trưởng tín dụng là 17%, nhưng sau đó giảm xuống còn khoảng 16%. Cuối năm 2018, Ngân hàng Nhà nước đã nới room tăng trưởng tín dụng nhưng chỉ dành cho một vài ngân hàng thương mại có kết quả kinh doanh hiệu quả và tích cực trong vấn đề tăng vốn, xử lý nợ xấu. Tiêu biểu như Techcombank được nới lên 20% sau khi tất toán toàn bộ nợ xấu đã bán cho Công ty Quản lý Tài sản (VAMC) trước đây. Phần lớn các ngân hàng khác vẫn đang bị giới hạn room tăng trưởng tín dụng.

Hiện tại, hệ số CAR của hầu hết các ngân hàng thương mại Việt Nam đều đạt trên 9% và CAR của hệ thống đạt mức trên 13% (tuy nhiên cách tính hệ số CAR hiện nay của Việt Nam chưa đạt chuẩn Basel II, đặc biệt là cách tính hệ số rủi ro theo kết quả xếp hạng tín dụng).

Bảng 3. Tình hình mức sinh lời của một số ngân hàng thương mại giai đoạn 2009 - 2018

NH/ROA	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
VCB	1.96	1.78	1.69	1.13	0.99	0.88	0.85	0.94	1.00	1.39
BIDV	1.22	1.13	0.83	0.74	0.78	0.83	0.79	0.67	0.63	0.60
CTG	1.54	1.50	2.03	1.70	1.40	1.20	1.00	1.00	0.90	0.60
ACB	2.08	1.66	1.73	0.50	0.60	0.50	0.50	0.61	0.82	1.67
STB	1.79	1.50	1.44	0.68	1.38	1.31	0.22	0.02	0.34	0.46
EIB	1.99	1.85	1.93	1.20	0.40	0.21	0.03	0.24	0.59	0.44
SHB	1.52	1.26	15.04	0.34	8.56	7.59	7.32	7.46	11.02	10.78
HBB(*)	1.73	1.58	0.75							

NH/ROE	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
VCB	23.61	20.49	14.73	12.61	10.33	10.76	12.03	14.69	18.09	25.49
BIDV	15.97	17.95	13.16	12.90	13.80	15.27	15.50	14.41	15.00	14.59
CTG	20.60	22.1	26.74	19.90	13.70	10.50	10.30	11.60	12.00	8.30
ACB	31.76	28.91	36.02	8.50	8.20	7.60	8.17	9.87	14.08	27.73
STB	16.56	15.04	14.60	7.15	14.30	13.21	2.72	0.35	5.20	7.48
EIB	8.65	13.51	20.39	13.30	4.30	2.45	0.30	2.32	5.94	4.53
SHB	13.60	14.98	1.23	0.03	0.65	0.51	0.43	0.42	0.59	0.55
HBB(*)	12.53	13.48	5.34							

Ghi chú: (*) sáp nhập vào SHB.

Nguồn: Báo cáo thường niên, báo cáo tài chính các ngân hàng thương mại.

Chỉ số ROE của các ngân hàng cũng chưa tính hết mọi chi phí trích lập dự phòng rủi ro, do cách phân loại nợ hiện nay mặc dù đang tiệm cận dần nhưng chưa được đầy đủ theo tiêu chuẩn quốc tế. Mặc dù số lượng ngân hàng ở nước ta hiện nay là 32 ngân hàng, tuy nhiên tỷ lệ thanh toán bằng tiền mặt còn cao, thanh toán qua ngân hàng chưa nhiều, số tài khoản thanh toán mở tại ngân hàng cũng chưa nhiều. Điều này cũng đã tạo những khó khăn trong hoạt động của các ngân hàng thương mại, đồng thời cũng gây khó khăn cho Ngân hàng Nhà nước trong quản lý nhà nước về tiền tệ tín dụng ngân hàng và khó khăn trong điều hành, thực thi chính sách tiền tệ quốc gia (Bảng 3).

Bên cạnh đó, mạng lưới ngân hàng phân bổ chưa đồng đều, hầu hết các ngân hàng thương mại tập trung ở các thành phố lớn, sự có mặt của các ngân hàng thương mại ở các tỉnh lẻ, vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa rất ít, vì vậy để đảm bảo phát triển kinh tế tương đồng giữa các khu vực, vùng miền là rất khó khăn. Khả năng sinh lời của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam ở mức cao so với các ngành trong nền kinh tế nhưng nếu so sánh với hệ thống ngân hàng thương mại tại các quốc gia có mức phát triển tương đồng trên thế giới thì ở mức thấp hơn nhiều. Vấn đề này phát sinh từ thực trạng tập trung vào hoạt động tín dụng như là cơ sở để mở rộng thị trường, sử dụng công cụ lãi suất để cạnh tranh mà không tập trung vào các mảng sản phẩm và dịch vụ phi tín dụng. Khi thị trường tín dụng gặp vấn đề do nền kinh tế suy thoái thì ngay lập tức khoản thu nhập từ hoạt động tín dụng bị ảnh hưởng tiêu cực. Ngoài ra, nếu các ngân hàng thương mại Việt Nam tiến hành phân loại nợ và trích lập dự phòng theo đúng tiêu chuẩn quốc tế thì mức lợi nhuận sẽ giảm nhanh và mức sinh lời như các ngân hàng công bố là không bền vững.

2.3. Nợ xấu tiếp tục được tập trung xử lý và tỷ lệ nợ xấu nội bảng của hệ thống đã giảm mạnh

Theo Ngân hàng Nhà nước, sau gần hai năm thực hiện Nghị quyết số 42 của Quốc hội đã đạt được kết quả bước đầu quan trọng trong việc duy trì và kiểm soát nợ xấu ở mức an toàn, tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện cơ cấu lại và xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng. Tính từ năm 2012 đến tháng 6/2019, toàn hệ thống các tổ chức tín dụng đã xử lý được 937,5 nghìn tỷ đồng nợ xấu, trong đó riêng trong năm 2018, toàn hệ thống các tổ chức tín dụng đã xử lý được 163,14 nghìn tỷ đồng nợ xấu. Lũy kế từ 15/8/2017 đến cuối tháng 6/2019, toàn hệ thống tổ chức tín dụng đã xử lý được 264,06 nghìn tỷ đồng nợ xấu xác định theo Nghị quyết 42, trong đó xử lý nợ xấu nội bảng là 127,641 nghìn tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu nội bảng đến cuối tháng 6/2019 là 1,91%, tức thấp hơn 2% - ngưỡng mà tại Nghị quyết số 01 vừa ban hành đầu năm nay Chính phủ đặt ra yêu cầu hệ thống ngân hàng phải đảm bảo thực hiện được cho năm nay. Kết quả xử lý nợ xấu xác định theo Nghị quyết số 42 theo hình thức khách hàng trả nợ có xu hướng tăng, phần nào phản ánh ý thức trả nợ của khách hàng đã cải thiện khi tổ chức tín dụng, VAMC có quyền thu giữ tài sản bảo đảm theo Nghị quyết số 42. Tín dụng tăng trưởng hợp lý đi đôi với chất lượng, hiệu quả; với việc triển khai nhiều giải pháp điều hành tín dụng, tín dụng toàn ngành tăng trưởng tốt ngay từ đầu năm, cơ cấu tín dụng có sự điều chỉnh tích cực, trong đó tín dụng tập trung vào lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên; tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, các dự án BOT, BT giao thông, tín dụng tiêu dùng trong tầm kiểm soát. Cùng với đó, ngành ngân hàng cũng đã tích cực triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, các giải pháp góp phần hạn chế tín dụng đen.

Basel II sử dụng khái niệm “ba trụ cột” gồm: (i) Trụ cột thứ I liên quan tới việc duy trì vốn bắt buộc; (ii) Trụ cột thứ II liên quan tới việc hoạch định chính sách ngân hàng; (iii) Trụ cột thứ III là các ngân hàng cần phải công khai thông tin một cách chính xác theo nguyên tắc thị trường.

Trong đó, thách thức lớn nhất đối với các ngân hàng trong việc áp dụng Basel II là nhu cầu tăng vốn. Những ngân hàng có hệ số an toàn vốn CAR quanh mức 9% sẽ phải tính đến phương án tăng vốn cấp 1 hoặc cấp 2. Để CAR tăng 1% thì vốn điều lệ của ngân hàng phải tăng thêm từ 8 - 10%. Thực tế cho thấy, hầu hết các ngân hàng thương mại Việt Nam đang trong tình trạng nan giải khi thực hiện các giải pháp tăng vốn nhằm đảm bảo năng lực tài chính. Cụ thể:

Quy định về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu

Thông tư 13/2010/TT-NHNN mới chỉ đề cập đến tài sản có điều chỉnh theo rủi ro tín dụng. So với quy định Basel II, quy định về vốn tối thiểu trong hoạt động ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chưa đề cập đến rủi ro thị trường và rủi ro tác nghiệp.

Ngày 20/11/2014, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư 36/2014/TT-

NHHN quy định các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Về hệ số CAR, Thông tư 36/2014/TT-NHNN bổ sung quy định xác định giá trị thực của vốn điều lệ, vốn được cấp; các cấu phần vốn, phương pháp tính và cách tính, duy trì tỷ lệ này được quy định cụ thể, chi tiết thành phụ lục để dễ thực hiện, giám sát, kiểm tra.

Tiếp đó, tháng 12/2016, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư 41/2016/TT-NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Thông tư này có nội dung hướng theo chuẩn Basel II với nhiều điểm thay đổi so với các thông tư trước, như điều chỉnh hệ số CAR từ 9% xuống 8% nhưng bổ sung yêu cầu vốn cho rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động bên cạnh yêu cầu vốn đối với rủi ro tín dụng. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2020.

2.4. Công tác cơ cấu lại các tổ chức tín dụng cũng tiếp tục được đẩy mạnh

Nhằm từng bước nâng cao năng lực tài chính cho các tổ chức tín dụng, trong đề án "Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011 - 2015", Ngân hàng Nhà nước đã xác định việc triển khai thực hiện Basel II là một trong số các nội dung quan trọng của đề án. Lộ trình là từ cuối 2015, sẽ có 10 ngân hàng thương mại bắt đầu thực hiện các chuẩn mực an toàn vốn theo Basel II và đến cuối 2018, các ngân hàng được lựa chọn đáp ứng tuân thủ các chuẩn mực vốn Basel II theo phương pháp nâng cao, nhóm các ngân hàng còn lại tuân thủ tối thiểu theo phương pháp tiêu chuẩn. 10 ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước chỉ định thí điểm thực hiện theo tiêu chuẩn Basel II gồm: BIDV, VietinBank, Vietcombank, Techcombank, ACB, VPBank, MB, Maritime Bank, Sacombank và VIB. Kể từ tháng 2/2016, 10 ngân hàng này thực hiện thí điểm phương pháp quản trị vốn và rủi ro theo tiêu chuẩn Basel II.

Kết quả cơ cấu lại các tổ chức tín dụng đã tạo sự ổn định, an toàn của hệ thống các tổ chức tín dụng được giữ vững, thể hiện ở các mặt như: năng lực tài chính của các tổ chức tín dụng tiếp tục được củng cố, vốn điều lệ tăng dần qua các năm; quy mô hệ thống các tổ chức tín dụng tiếp tục tăng; năng lực quản trị điều hành, hoạt động kiểm tra, kiểm toán nội bộ và quản lý rủi ro của các tổ chức tín dụng từng bước được nâng cao để tiệm cận với thông lệ quốc tế, sự minh bạch trong hoạt động của hệ thống các tổ chức tín dụng đã được nâng cao một bước... công tác cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu được triển khai mạnh mẽ và đạt được kết quả tích cực, theo đúng lộ trình, kế hoạch, đảm bảo ổn định, an toàn, lành mạnh hoạt động của các tổ chức tín dụng. Công tác xử lý nợ xấu và tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu đã đạt được kết quả tích cực, tỷ lệ nợ xấu có xu hướng giảm, cả nợ xấu

nội bảng, nợ xấu tồn đọng ở VAMC và nợ tiềm ẩn trở thành nợ xấu.

Trong 6 tháng đầu năm 2019, chỉ duy nhất BIDV có thông tin về việc bán vốn cho cổ đông nước ngoài. Cụ thể, ngày 21/2/2019, Ngân hàng Nhà nước đã có văn bản chấp thuận cho BIDV tăng vốn điều lệ từ 34.187 lên 40.220 tỷ đồng thông qua phát hành riêng lẻ cho KEB Hana Bank. Dự kiến, BIDV sẽ thực hiện xong các thủ tục để hoàn tất phát hành và tăng vốn trong năm nay.

Thực trạng quá trình tái cấu trúc đã giúp nhận diện rõ những hạn chế của hệ thống ngân hàng và thúc đẩy một số ngân hàng tái cấu trúc thành công, nhưng với ngân hàng yếu kém thì vẫn chìm trong khó khăn và tiến độ hồi phục rất chậm. Chính vì vậy, việc lựa chọn cho các nhà đầu tư nước ngoài tham gia tái cơ cấu các ngân hàng yếu kém dường như là giải pháp kế tiếp sẽ được đẩy mạnh triển khai. Ngoài ra, kinh nghiệm từ quốc tế cũng cho thấy công cuộc tái cấu trúc và cải cách ngành ngân hàng muốn thành công, việc đầu tiên sẽ do Chính phủ khởi xướng thông qua một loạt các biện pháp cải tổ như xây dựng các quy định mới tuân theo nguyên tắc thị trường và từng bước tuân thủ theo các chuẩn mực quốc tế, tiến hành các biện pháp xử lý các khoản nợ không sinh lời, nợ xấu rồi sau đó mới mở cửa cho các nhà đầu tư nước ngoài. Với thị trường bán lẻ đầy triển vọng cùng với việc Việt Nam đã tham gia hàng loạt hiệp định thương mại tự do, nhiều tổ chức quốc tế rất muốn nhảy vào mảng bán lẻ của Việt Nam, đặc biệt là ở lĩnh vực ngân hàng bán lẻ. Trong khi đó, với việc Ngân hàng Nhà nước gần đây cho biết sẽ hạn chế cấp phép cho các ngân hàng 100% vốn nước ngoài, thì các nhà đầu tư quốc tế chỉ còn lựa chọn mua lại các ngân hàng trong nước, để sử dụng giấy phép hoạt động, mạng lưới và cơ sở khách hàng sẵn có.

2.5. Hoạt động thanh toán

Tổng phương tiện thanh toán (M2) tăng với tốc độ chậm hơn so với cùng kỳ năm 2018. Cụ thể, tính đến cuối tháng 6/2019, M2 tăng 6,54% so với tháng 12/2018, thấp hơn so với tốc độ tăng cùng kỳ năm 2018 là 8,42%. Thanh khoản của hệ thống tổ chức tín dụng được đảm bảo, thông suốt.

Xét cơ cấu của M2, tính đến tháng 6/2019, tài sản nước ngoài ròng (NFA) tăng 14,61% so với tháng 12/2018, đóng góp 2,49 đơn vị phần trăm vào mức tăng của M2. Với mức tăng 4,2% so với cuối năm trước, tài sản trong nước ròng (NDA) đóng góp 3,48 đơn vị phần trăm vào mức tăng của M2, đây là mức thấp nhất trong vòng 5 năm trở lại đây. Trong khi sự gia tăng đầu tư đối với nền kinh tế đóng góp phần lớn vào mức tăng M2 thì sự sụt giảm của cho vay Chính phủ ròng kìm hãm tốc độ tăng của M2 so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, đầu tư đối với nền kinh tế tăng 6,18%, góp phần làm M2 tăng 5,08 đơn vị phần trăm; cho vay Chính phủ ròng giảm 26,02%, làm M2 giảm 1,5 đơn vị phần trăm;

các khoản ròng khác giảm 1,85%, làm M2 giảm 0,09 đơn vị phần trăm.

Thanh toán không dùng tiền mặt được đẩy mạnh và khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính của người dân được cải thiện. Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước, trong quý I/2019, số lượng giao dịch thanh toán nội địa qua thẻ ngân hàng tăng 18,45% so với cùng kỳ năm 2018 với tổng số tiền giao dịch hơn 171 nghìn tỷ đồng. Số lượng giao dịch tài chính qua kênh internet tăng khoảng 66% với giá trị giao dịch tăng khoảng 13,46% so với cùng kỳ năm 2018. Đặc biệt năm 2018 và những tháng đầu năm 2019 chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ trong thanh toán điện tử, nhất là qua điện thoại di động; số lượng giao dịch tài chính qua kênh điện thoại di động đạt hơn 76 triệu giao dịch với giá trị giao dịch hơn 924 nghìn tỷ đồng (tăng tương ứng 97,75% và 232,3% so với cùng kỳ năm 2018). Kết quả trên phù hợp với khảo sát tiêu dùng toàn cầu trong 6 tháng đầu năm 2019 mới đây của PwC, Việt Nam là thị trường tăng trưởng nhanh nhất về thanh toán di động và mức tăng của Việt Nam là ấn tượng nhất trong số 6 quốc gia Đông Nam Á tham gia khảo sát toàn cầu. Đặc biệt là thanh toán không dùng tiền mặt, tiếp tục có bước phát triển mạnh mẽ với nhiều sản phẩm, tiện ích ngân hàng mới, hiện đại được áp dụng, số lượng và giá trị thanh toán tăng trưởng mạnh. Các ngân hàng đã đưa các công nghệ mới, hiện đại vào hoạt động thanh toán, đẩy mạnh các hình thức thanh toán hiện đại, an toàn, tiện lợi, được người tiêu dùng đón nhận tích cực như Agribank áp dụng thẻ tín dụng theo hạng thẻ Platium, Gold, Classic trong dịch vụ tín dụng; phát triển sản phẩm tiền gửi linh hoạt, tiết kiệm an sinh xã hội, tiết kiệm lãi suất thả nổi; tiết kiệm gửi góp hàng tháng hoặc không theo định kỳ; tiết kiệm học đường…

2.6. Công tác cải cách hành chính trong toàn hệ thống ngân hàng tiếp tục đạt được những kết quả tích cực

Theo kết quả công bố chỉ số cải cách hành chính năm 2018, Ngân hàng Nhà nước đạt điểm cao nhất (90,57/100 điểm) và tiếp tục xếp vị trí thứ nhất. Đây là lần thứ 4 liên tiếp Ngân hàng Nhà nước xếp vị trí số 1 về cải cách hành chính trong các bộ và cơ quan ngang bộ. Chỉ số "Tiếp cận tín dụng" của Việt Nam xếp hạng 32/190, đứng thứ 3 trong khu vực và ngang bằng với Singapore và Malaysia - các nước đứng đầu trong nhóm ASEAN 4. Vì vậy, cần phải đổi mới công tác quản trị và kinh doanh ngân hàng theo hướng hiện đại. Hoạt động quản lý và điều hành của Ngân hàng Nhà nước cần được đổi mới theo hướng tích cực, minh bạch và hiệu quả, tiệm cận dần thông lệ và tiêu chuẩn quốc tế, phù hợp với thông lệ quốc tế. Trong thời gian qua, chính sách tiền tệ được chuyển từ ứng phó bị động sang điều hành chủ động dẫn dắt thị trường. Ngân hàng Nhà nước đã tiến hành bổ sung và ban hành

nhiều văn bản pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng theo hướng minh bạch hóa, tuân thủ các nguyên tắc thị trường, các thông lệ, chuẩn mực quốc tế và đặc biệt là các cam kết quốc tế.

2.7. Một số khó khăn, thách thức mà hệ thống ngân hàng phải đối mặt trong thời gian tới

Thứ nhất, với sự tham gia ngày càng sâu rộng của ngân hàng nước ngoài, đặc biệt các định chế tài chính đến từ Mỹ, Nhật Bản và EU thì áp lực cạnh tranh trong ngành sẽ ngày càng tăng lên. Các ngân hàng nước ngoài với tiềm lực tài chính và khả năng quản trị chuyên nghiệp sẽ gia tăng sức ép đối với khối ngân hàng trong nước. Thực tế cho thấy các ngân hàng liên doanh, ngân hàng nước ngoài hiện mới chỉ chiếm thị phần nhỏ trên thị trường Việt Nam (10 - 15% thị phần tín dụng, 5 - 7% thị phần huy động vốn nhưng với hệ thống công nghệ hiện đại và nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao nên các ngân hàng nước ngoài đang có lợi thế cạnh tranh cao hơn các ngân hàng thương mại trong nước. Khi các cam kết hội nhập WTO, AEC, CPTPP bắt đầu có hiệu lực, các ngân hàng nước ngoài được quyền huy động vốn từ dân cư, cung cấp dịch vụ cho vay cá nhân, tổ chức là người Việt Nam, thị phần này là mảnh đất màu mỡ cho các ngân hàng nước ngoài khai thác với thế mạnh về chất lượng dịch vụ. Hơn nữa chiến lược "bán lẻ" của các ngân hàng nước ngoài với những thế mạnh về sản phẩm dịch vụ, công nghệ, kỹ năng tiếp cận khách hàng chuyên sâu… có thể khiến ngân hàng nội địa mất dần các phân khúc thị trường quan trọng, và là vấn đề mà các ngân hàng Việt Nam cần đặc biệt quan tâm.

Thứ hai, sự dịch chuyển nguồn nhân lực chất lượng cao từ các ngân hàng thương mại trong nước sang các ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam và thậm chí là trong khu vực. Do đặc trưng nghề nghiệp, đội ngũ nhân lực ngành tài chính ngân hàng phải là nguồn nhân lực chất lượng cao với trình độ chuyên môn giỏi, kỹ năng ngoại ngữ và tin học tốt, khai thác và sử dụng được các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt. Trong số đó, các chuyên gia tài chính là những người có tầm nhìn chiến lược, có hành động quyết đoán và nguyên tắc như một người chỉ huy, đặc biệt là khi phải đối phó với những diễn biến phức tạp trong kinh doanh. Nguồn nhân lực chất lượng cao được coi là yếu tố then chốt để đáp ứng yêu cầu khắt khe của hội nhập, một trong những điều kiện quan trọng đảm bảo sự phát triển lành mạnh, hiệu quả và nâng cao khả năng cạnh tranh của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Đây là một thách thức rất lớn của các ngân hàng thương mại Việt Nam hiện nay, bởi thực tế cho thấy, ngành tài chính ngân hàng của Việt Nam đang khan hiếm nghiêm trọng nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là các chuyên gia tài chính có bằng cấp quốc tế. Mặt khác, các ngân hàng thương

mại Việt Nam còn phải đối mặt với vấn đề chảy máu chất xám trong quá trình cạnh tranh thu hút nhân tài. Khu vực tài chính ngân hàng luôn diễn ra chu trình di chuyển lao động khá khắc nghiệt và trong chu trình đó tất yếu sẽ diễn ra việc dịch chuyển nhân lực chất lượng cao từ các ngân hàng thương mại trong nước sang ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam và sang các nước trong khu vực nếu không có chính sách và biện pháp giữ chân nhân tài.

Thứ ba, việc mở "room" tuy giúp các ngân hàng nội địa có thể tiếp nhận luồng vốn từ các nhà đầu tư nước ngoài nhiều hơn, nhưng sức ép bị thâu tóm và chi phối cũng tăng lên. Những bài học về các doanh nghiệp niêm yết trong lĩnh vực sản xuất - thương mại đã từng bị nhà đầu tư nước ngoài chi phối, thao túng ở một số nước trên thế giới đã cho thấy rõ.

Thứ tư, việc mở cửa thị trường tài chính ngân hàng trong quá trình hội nhập có thể dẫn đến những hệ lụy liên quan về vấn đề sở hữu chéo trong hệ thống ngân hàng thương mại. Bởi lẽ, việc nới room cho nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường tài chính tại Việt Nam dễ có thể tạo ra nhiều hoạt động kinh tế và đầu tư phức tạp, chằng chịt và đan xem nên dễ dẫn đến nhiều hoạt động đầu tư chéo giữa các ngân hàng thương mại trong hệ thống và giữa các ngân hàng thương mại với doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế. Điều này là rất khó kiểm soát và mang lại nhiều hệ lụy, rủi ro tiềm ẩn cho các ngân hàng thương mại Việt Nam. Đây có thể xem là một vấn đề lớn cần hết sức quan tâm.

3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Qua phân tích thực trạng hoạt động hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam hiện nay, trong bối cảnh cuộc chiến tranh thương mại Trung - Mỹ leo thang sẽ có ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế toàn cầu nói chung và hệ thống các ngân hàng nói riêng, trong đó có các ngân hàng thương mại Việt Nam; mức độ an toàn của hệ thống yếu thì khả năng xảy ra đổ vỡ trước những cú sốc bất lợi từ môi trường kinh tế là cao. Đóng vai trò quan trọng đối với phát triển của nền kinh tế, những bất ổn từ hệ thống ngân hàng sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới sự ổn định của nền kinh tế Việt Nam nên cần phải thực hiện các giải pháp tái cấu trúc căn bản, triệt để và toàn diện nhằm tiến tới phát triển bền vững hệ thống.

Xử lý nợ xấu nhằm lành mạnh hóa bảng cân đối tài sản của các ngân hàng thương mại

Về vấn đề xử lý nợ xấu, phải khẳng định nguyên tắc: trách nhiệm xử lý nợ xấu thuộc về chính các ngân hàng thương mại chứ không phải thuộc về Chính phủ. Tuy nhiên, với thực trạng nợ xấu đang ở mức cao hơn số liệu công bố hiện nay, thì để các ngân hàng tự đứng ra xử lý nợ xấu là giải pháp chưa thật sự khả thi. Vì vậy, cần thiết có sự đánh giá chính xác của

Ngân hàng Nhà nước về tình trạng nợ xấu của các ngân hàng thương mại, trên cơ sở đó từng ngân hàng tiến hành đóng góp vốn vào quỹ xử lý nợ xấu theo tỷ lệ tương ứng với mức nợ xấu tại ngân hàng mình theo hình thức bắt buộc.

Đánh giá chính xác thực trạng nợ quá hạn và nợ xấu tại các ngân hàng thương mại theo đúng tinh thần Nghị quyết 42/NQ

Hiện nay, các số liệu công bố về tỷ lệ nợ xấu của các ngân hàng thương mại không thống nhất, thấp hơn so với thực tế và đánh giá của các tổ chức có uy tín, không phản ánh được chất lượng các khoản tín dụng. Vì vậy, các chủ sở hữu, ban điều hành, khách hàng và cơ quan quản lý chưa đánh giá được thực trạng chất lượng tín dụng tại các ngân hàng cũng như toàn bộ hệ thống; kết quả là các quyết định kinh tế đưa ra dựa trên các thông tin này cũng chưa chính xác. Như vậy, các ngân hàng thương mại cần tiến tới phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo tiêu chuẩn quốc tế để thống nhất về tính chính xác của số liệu công bố.

Chính sách tái cấu trúc, lành mạnh hóa và nâng cao năng lực tài chính của các ngân hàng thương mại

Chính sách tái cấu trúc, lành mạnh hóa và nâng cao năng lực tài chính là chính sách quan trọng hàng đầu của các quốc gia trong việc củng cố, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững hệ thống ngân hàng thương mại. Chính sách tái cấu trúc, lành mạnh hóa và nâng cao năng lực tài chính của các ngân hàng thương mại cần hoàn thiện những nội dung chủ yếu sau:

- Cần chuyển mạnh sang tăng tỷ trọng thu nhập/lợi nhuận của ngân hàng từ cung cấp các dịch vụ phi tín dụng (chú trọng dịch vụ hiện đại) thay vì phụ thuộc quá lớn vào thu nhập từ hoạt động tín dụng truyền thống. Bên cạnh đó, quy mô thu nhập/lợi nhuận của ngân hàng thương mại cần tăng nhanh đồng thời với tăng ROE và ROA của các ngân hàng thương mại Việt Nam ngang tầm với tỷ suất lợi nhuận bình quân của khu vực và trên thế giới.

- Tăng vốn tự có của các ngân hàng thương mại từ nguồn lợi nhuận để lại, phát hành cổ phiếu, trái phiếu; sáp nhập; hợp nhất; mua lại. Xử lý các ngân hàng thương mại cổ phần yếu kém và có khả năng gây rủi ro lớn cho hệ thống ngân hàng, bao gồm cả các biện pháp giải thể, phá sản. Bảo đảm duy trì mức vốn tự có của các ngân hàng thương mại phù hợp với quy mô tài sản có trên cơ sở thực hiện tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 9%.

- Tăng cường năng lực hoạt động và quản lý kinh doanh, chuẩn hóa các qui trình và thủ tục quản lý theo hướng đồng bộ, hiện đại, tự động hóa và phù hợp thông lệ quốc tế.

Tăng tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản để bảo đảm khả năng chịu đựng rủi ro của các ngân hàng thương mại

Trong thời gian tới, hệ thống ngân hàng thương mại sẽ tập trung vào xử

lý nợ xấu và nâng cao chất lượng tín dụng thay vì tập trung vào mở rộng tín dụng. Do quá trình xử lý nợ xấu sẽ ảnh hưởng tới lợi nhuận để lại của ngân hàng nên nguồn vốn để tăng vốn chủ sở hữu sẽ đến từ việc phát hành cổ phiếu cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Hệ số an toàn vốn tối thiểu cần phải được xây dựng chi tiết hơn nữa tới các mức độ rủi ro của các khoản tín dụng như quy định hệ số chuyển đổi cao hơn đối với các khoản nợ ở nhóm cao hơn, như vậy mới phản ánh đúng được mức độ rủi ro mà các ngân hàng phải gánh chịu. Ngoài ra, quá trình thực hiện tăng tỷ lệ vốn chủ sở hữu cần phải hạn chế tình trạng sở hữu chéo giữa các ngân hàng để bảo đảm mức vốn chủ sở hữu thực đủ lớn để trở thành tấm đệm rủi ro cho hệ thống ngân hàng.

Các ngân hàng thương mại cần tăng cường khả năng huy động vốn thông qua việc cung cấp các sản phẩm huy động phù hợp với môi trường kinh tế Việt Nam

Trong môi trường lạm phát có nhiều biến động thì các sản phẩm huy động vốn với lãi suất cố định trở nên không phù hợp với nhu cầu của người gửi tiền. Điều này dẫn đến tình trạng các khách hàng thường rút tiền ở ngân hàng trả mức lãi suất thấp để đem gửi tại các ngân hàng trả lãi cao hơn và lựa chọn các kỳ hạn tiền gửi ngắn. Để hạn chế tình trạng này, các ngân hàng thương mại có thể cung cấp các sản phẩm tiền gửi với lãi suất thả nổi dựa theo biến động của lạm phát với mức trần và mức sàn quy định cụ thể trong chính sách lãi suất. Giải pháp này sẽ giúp các ngân hàng thương mại cải thiện cơ cấu nguồn vốn theo hướng huy động được các nguồn vốn trung và dài hạn nhiều hơn, đảm bảo khả năng cung cấp nguồn vốn cho các nhu cầu tín dụng trung và dài hạn. Bên cạnh đó, các dịch vụ thanh toán đi kèm cần được phát triển mạnh hơn nữa cả về chất và về lượng nhằm thu hút được nguồn tiền nhàn rỗi của người dân, đồng thời giữ cho nguồn vốn huy động được ổn định.

Bên cạnh đó, áp dụng các giải pháp nhằm đảm bảo tính bền vững và hội nhập của hệ thống như:

Tăng cường tính minh bạch của thị trường tín dụng và thực trạng hoạt động của các ngân hàng thương mại thông qua các văn bản quy định về công khai thông tin của các tổ chức này;

Hạ tầng tài chính không ngừng được cải thiện đáp ứng yêu cầu về khả năng kết nối trong hội nhập quốc tế về lĩnh vực tài chính - ngân hàng;

Khuôn khổ pháp lý về quản lý các tổ chức tín dụng sớm được hoàn thiện trên cơ sở ban hành các quy định, khuôn khổ pháp lý theo hướng phù hợp với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế bảo đảm an toàn và lành mạnh trong các hoạt động của tổ chức tín dụng, tạo nền tảng cho các tổ chức tín dụng hoạt động an toàn hơn và thúc đẩy cơ cấu lại theo các mục tiêu định hướng đề ra;

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cổ phần hóa và có thể nghiên cứu giảm bớt tỷ lệ sở hữu nhà nước tại các ngân hàng thương mại nhà nước, đồng thời có thể nới "room" sở hữu cho các nhà đầu tư ngoại tham gia vào quản trị điều hành các tổ chức tín dụng trong nước bên cạnh việc kiểm soát chặt chẽ các hoạt động đầu tư này;

Bên cạnh 51% vốn điều lệ thuộc về Nhà nước, cần có các quy định khuyến khích các nhà đầu tư tham gia mua cổ phần của ngân hàng thương mại nhà nước, đặc biệt là các nhà đầu tư chiến lược. Các nhà đầu tư chiến lược thường là các định chế tài chính lớn trên thế giới, có kinh nghiệm và uy tín, có tiềm lực tài chính mạnh, khả năng quản lý tốt, trình độ công nghệ tiên tiến. Hợp tác với các nhà đầu tư chiến lược thì ngoài sự hỗ trợ về tài chính, các ngân hàng thương mại nhà nước sẽ được hỗ trợ về cung cách quản lý và trình độ công nghệ.

Bổ sung quy định khi các ngân hàng thương mại nhà nước phát hành trái phiếu tăng vốn thì cần phải có văn bản nói rõ về những đặc điểm của loại trái phiếu này. Các thông tin về trái phiếu phải được công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang web. chính thức của ngân hàng cũng như trong bản cáo bạch. Mặt khác, cần quy định rõ về việc phát hành trái phiếu tăng vốn của ngân hàng thương mại nhà nước theo hướng xích lại gần hơn với các thông lệ quốc tế cả về chuẩn mực lẫn cách thức phát hành. Các ngân hàng thương mại nhà nước phải có các giải pháp hỗ trợ đảm bảo tính thanh khoản của trái phiếu như ủy quyền cho các công ty chứng khoán mua hoặc bán trái phiếu làm tăng giao dịch tại thị trường.

Tăng cường năng lực quản trị, điều hành của tổ chức tín dụng phù hợp với thông lệ chuẩn mực và nguyên tắc quốc tế. Việc cải thiện hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành cần bảo đảm tính độc lập về thẩm quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát được thực hiện thông qua việc tách bạch rõ ràng giữa quyền sở hữu và quyền kiểm soát, theo đó hạn chế cho phép thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của ngân hàng kiêm nhiệm chức vụ trong Ban điều hành. Thêm vào đó, Ban kiểm soát phải thực sự độc lập với Hội đồng quản trị và có tiếng nói đối với các quyết định có ảnh hưởng không tốt tới quyền lợi của các nhà đầu tư nhỏ lẻ.

Xây dựng một chiến lược dài hạn và các giải pháp cụ thể trong việc phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển hệ thống ngân hàng để qua đó các ngân hàng thương mại Việt Nam có được một đội ngũ cán bộ ổn định, có chất lượng cao, nhất là cán bộ quản lý, tránh được "chảy máu chất xám" trước sự cạnh tranh của các ngân hàng nước ngoài. Tiếp tục đẩy mạnh và phát triển nguồn nhân lực có năng lực tốt, được trang bị đầy đủ kiến thức về luật pháp, đặc biệt là các luật về thương mại quốc tế, kiến

thức về hội nhập và chuyên môn liên quan để sẵn sàng tham gia tích cực, sâu rộng hơn vào các sáng kiến, chương trình quốc tế, thể hiện được trình độ phát triển phù hợp với vị thế mới cũng như đảm đương được trách nhiệm mà vị thế mới đòi hỏi. Để làm được điều này, cần có kế hoạch chiến lược đào tạo, phát triển nguồn cán bộ trực tiếp làm việc với các tổ chức tài chính, ngân hàng quốc tế nói riêng. ❑

CHÚ THÍCH

(1) Hội nghị thượng đỉnh về môi trường và phát triển đã được Liên Hợp Quốc tổ chức ở Rio de Janeiro (Brazil) (Hội nghị Rio - 92), với 179 nguyên thủ của các quốc gia tham gia. Hội nghị đưa ra 2 bản tuyên bố mang tính nguyên tắc, đó là *Tuyên bố Rio de Janeiro về môi trường và phát triển bao gồm 27 nguyên tắc cơ bản và Tuyên bố các nguyên tắc quản lý bảo vệ và phát triển bền vững rừng*.

(2) Hội nghị thượng đỉnh trái đất về phát triển bền vững (WSSD) năm 2002 tại Johannesburg (Nam Phi) với sự tham gia của 166 quốc gia (Hội nghị Rio+ 10).

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 2014. Thông tư 36/2014/TT-NHNN.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 2016. Thông tư 41/2016/TT-NHNN.

3. Quốc hội. 2014. Nghị quyết số 42/2017/QH14. Về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng.

4. Thủ tướng Chính phủ. 2012. Quyết định 254/QĐ-TTg phê duyệt đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011 - 2015”; Quyết định 1058/QĐ-TTg phê duyệt đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 - 2020”.

1. ~~Hà Quang Đào 2012, Kỷ yếu hội thảo, Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM.~~
2. ~~Đặng Ngọc Đức 2011, Tăng khả năng phát triển bền vững của các NHTM Việt Nam trong điều kiện hội nhập. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.~~
3. ~~Tô Ngọc Hưng 2012, Bàn về phát triển bền vững hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam. Kỷ yếu hội thảo, Học viện Ngân hàng.~~
4. ~~NHNN Việt Nam 2018. Hệ thống các văn bản pháp luật về hoạt động ngân hàng.~~
5. ~~Báo cáo của Uỷ ban giám sát tài chính quốc gia năm 2018.~~
6. ~~Báo cáo tài chính, báo cáo thường niên các NHTM năm 2010 đến 2018~~
7. ~~Thống kê tiền tệ ngân hàng, www.sbv.gov.vn~~
8. ~~Jayasundara, 2008. Knowledge Management in Banking Industries: uses and opportunities. Journal of the University Librarians Association of Sri Lanka.~~
9. ~~Nguyễn Phi Lân (2011), Kinh nghiệm các nước trong khu vực và Đông Âu về tái cấu trúc hệ thống ngân hàng, Hội thảo quốc tế “Tái cấu trúc hệ thống ngân hàng: Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam”.~~
10. ~~Trần Thị Thanh Tú (2011), Các biện pháp tái cấu trúc ngân hàng của Hàn Quốc - So sánh với Trung Quốc và hàm ý cho Việt Nam, Hội thảo quốc tế “Tái cấu trúc hệ thống ngân hàng: Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam”.~~
11. ~~Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Tái cấu trúc hệ thống ngân hàng, http://www.vnep.org.vn68-84.~~
12. ~~Kinh tế vĩ mô Việt Nam Phân tích và dự báo, Tập 3: Việt Nam trong bối cảnh bấp bênh kinh tế vĩ mô toàn cầu 2019.~~